

Bản án số: 47/2021/HS-PT  
Ngày: 19 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Quang

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Ngọc Hồng

Ông Phạm Sanh Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn S do có kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị cáo:** Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi ĐKTT: Ấp R, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

**- Nguyên đơn dân sự:** Công ty Cổ phần T

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Đoàn Thị Mai H1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn dân sự:**

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn M

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ H2 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 5 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Huy B, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư M – P

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ H2 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 5 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Huy B, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư M – P là:*

Luật sư Hà Đăng L – Công ty Luật TNHH Hoàng Minh Q – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Danh Quang T2, sinh năm 1970 (chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2 gồm:*

- Bà Phạm Thị E, sinh năm 1973 (vợ ông T2) (có mặt)

- Anh Danh Thành T3, sinh năm 1999 (con ông T2) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Đặng Thị K, sinh năm 1949 (mẹ ông T2) (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh T3 là:* Bà Đặng Thị K, sinh năm 1949  
(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021).

Địa chỉ: Khu phố 4, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty B Kiên Giang

Địa chỉ trụ sở: Số 11 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn U – chức vụ: Giám đốc công ty

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quang T4 – chức vụ: Trưởng phòng giám định bồi thường (có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 55 phút ngày 27/7/2015, Nguyễn Văn S sau khi uống bia tại khu phố 5, thị trấn D, huyện P điều khiển xe taxi biển số 68A-022.71 (xe của ông Danh Quang T2 đã giao cho Công ty TNHH đầu tư M P kinh doanh) chở 01 người khách tên Lê Đình Sơn đi từ thị trấn D đến ấp Đ, xã D, huyện P. Khi đến 01 đoạn đường cong tại khu phố 7, thị trấn D, S chạy lén qua bên trái hướng đi đụng vào xe taxi biển số 51A- 600.20 (xe của Công ty T) do anh Tô Văn A điều khiển chạy chiều ngược lại, trên xe chở 04 người khách tên Tô V, Ngô Đ, Cao B và Đoàn Văn M, làm 02 xe ô tô hư hỏng nặng và làm bị thương 07 người.

Tang vật thu giữ: 01 xe ô tô biển số 51A- 600.20; 01 xe ô tô biển số 68A-022.71.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 114/KL-PY, ngày 02/3/2017 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Anh Lê Đ tử lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 72%.

Tại bản kết luận về giá trị tài sản trong tố tụng hình sự số: 62/KL-HĐĐG, ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Xe ô tô 51A-600.20 hiệu TOYOTA, số hiệu INNOVA và xe ô tô 68A-022.71 hiệu TOYOTA, loại INNOVA bị thiệt hại tổng cộng 703.707.500 đồng.

Tại phiếu xét nghiệm bệnh án số 007370, ngày 28/7/2017 của Bệnh viện Đa khoa huyện P xác định nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn S là 7mg/dl và phiếu Tester nồng độ cồn của Cảnh sát giao thông công an huyện P số 03491047 ngày 28/7/2017 đối với Nguyễn Văn S có kết quả là 0,235mg/l.

**\* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 103/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng Điều 584, 585, 589, 600, 601 của Bộ luật dân sự xử:

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn M phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T giá trị thiệt hại của xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 51A-600.20 và chi phí phát sinh thuê xe cẩu kéo tổng cộng là 348.239.500đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

**\* Tại bản án hình sự phúc thẩm số 95/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần Tập đoàn M đối với bản án hình sự sơ thẩm số 103/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 103/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với phần xử lý trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

**\* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Áp dụng các Điều 277; 291; 327; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 601, 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử, không xem xét giải quyết.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Danh Quang T2 gồm: Bà Đặng Thị K (mẹ ruột); bà Phạm Thị E (vợ ông T2) và anh Danh Thành T3 (con ông T2) có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần T số tiền 348.239.500đ (gồm thiệt hại tài sản theo định giá tài sản là: 339.339.500đ, chi phí xe cẩu và các chi phí khác: 8.900.000).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

\* Ngày 06/10/2020 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Danh Quang T2 là bà Phạm Thị E và bà Đặng Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và buộc Công ty cổ phần tập đoàn M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

\* Ngày 07/10/2020 đại diện Công ty cổ phần T có đơn kháng cáo yêu cầu công ty M phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 348.239.500 đồng cho công ty.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Cấp sơ thẩm căn cứ vào hai hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông T2 và công ty TNHH đầu tư M và chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn M để buộc ông T2 phải có trách nhiệm bồi thường và do ông T2 đã chết nên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2 có trách nhiệm bồi thường là chưa đúng theo quy định tại Điều 615 BLDS năm 2015 vì chưa xác định được ông T2 có để lại di sản thừa kế cho những người này hay không; đồng thời căn cứ vào quy định xử lý sự cố rủi ro trong hai hợp đồng hợp tác thì *Mọi trường hợp được bảo hiểm bồi thường (hoặc không được bồi thường), nhưng không đáp ứng đủ các chi phí khắc phục thì căn cứ vào trách nhiệm của người lao động (lái xe) hoặc bên thứ ba gây hậu quả, kết hợp quy chế an toàn giao thông của bên B, trường hợp vẫn chưa đủ thì bên A phải chịu trách nhiệm*, do đó việc chỉ buộc ông T2 bồi thường là chưa xem xét toàn diện chứng cứ; mặt khác chưa xác định được tại thời điểm xảy ra tai nạn thì hợp tác nào có giá trị pháp lý từ đó mới xác định được chủ thể có trách nhiệm bồi thường.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị K và bà Phạm Thị E, hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

\* *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty M có ý kiến:* Theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện việc công ty M điều tài xế S là được sự đồng ý của ông T2, trên thực tế ông T2 vẫn là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, mọi hoa lợi, lợi tức từ việc kinh doanh từ chiếc xe ông T2 đều được hưởng, công ty M chỉ hưởng phần trăm thương hiệu, tổng đài... Như vậy, việc buộc ông T2 phải có trách nhiệm bồi

thường là phù hợp pháp luật. Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông T2 phải có trách nhiệm bồi thường là đúng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà E, K và anh T3 bồi thường là phù hợp.

\* Đại diện của Công ty T có ý kiến: Yêu cầu công ty M phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 348.239.500 đồng cho công ty. Thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là hủy án sơ thẩm.

\* Công ty M có ý kiến: Không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của công ty Sacco.

\* Bà Đặng Thị K và bà Phạm Thị E có ý kiến: Không đồng ý bồi thường như cấp sơ thẩm đã nêu, thống nhất đề nghị hủy án của Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bà Đặng Thị K, Phạm Thị E và công ty cổ phần T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của họ theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Hành vi phạm tội “Vi phạm quy định điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” của bị cáo Nguyễn Văn S đã gây thiệt hại cho bị hại và nguyên đơn dân sự. Việc nguyên đơn dân sự là công ty Cổ phần T yêu cầu được bồi thường là có căn cứ và phù hợp. Cấp sơ thẩm căn cứ vào hai Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 14/8/2014 giữa công ty TNHH đầu tư M – P với ông Danh Quang T2 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08 ngày 01/01/2015 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn M tại P với ông Danh Quang T2 để xác định ông T2 phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại số tiền 348.239.500 đồng cho công ty Cổ phần T; do ông T2 đã chết nên cấp sơ thẩm buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2 gồm bà Đặng Thị K (mẹ ông T2); bà Phạm Thị E (vợ ông T2) và anh Danh Thành T3 (con ông T2) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Tại thời điểm xảy ra tai nạn ông Danh Quang T2 ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với hai công ty là Công ty TNHH đầu tư M - P và Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn M tại P. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của công ty M là ông B xác định hai công ty này là hai pháp nhân khác nhau, hiện công ty TNHH đầu tư M không còn hoạt động nữa, nhưng chưa giải thể, mọi thủ tục hợp đồng liên quan đều được chuyển qua cho công ty M, nhưng không có chứng cứ nào thể hiện Công ty TNHH đầu tư M- P đã thanh lý hợp đồng với ông T2 và chuyển mọi hợp đồng qua công ty M. Mặt khác, nội dung của hai hợp đồng hợp tác nêu trên quy định quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên khác nhau, việc chưa xác định được hai chủ thể công ty TNHH đầu tư M và công ty cổ phần tập đoàn M cũng như chưa làm rõ tư cách bị đơn dân sự trong

vụ án, thì sẽ không đánh giá và xác định được trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về ai.

Tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.* Cấp sơ thẩm buộc những người thừa kế của ông T2 là bà K, bà E và anh T3 phải bồi thường trong khi chưa xác định được ông Danh Quang T2 chết có để lại di sản thừa kế cho họ hay không mà buộc họ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay ông T2 là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vấn đề này không thể làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm mà cần phải điều tra, bổ sung chứng cứ.

Mặt khác, tại Điều 11 của hợp đồng ngày 14/8/2014 quy định: *“Trong trường hợp xảy ra sự kiện pháp lý dẫn đến phát sinh bồi thường thiệt hại về dân sự (về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng) thì bên A (tức là ông T2 - chủ xe) phải chịu trách nhiệm 100% đối với việc bồi thường đó: (Cụ thể: Chi phí bên A phải bồi thường bằng chi phí bồi thường do bảo hiểm chi trả trừ đi chi phí phải bồi thường) và tại Hợp đồng số: 08/2015/HĐ-HTKD, ngày 01/01/2015, Mục 6.2 Điều 6 quy định: “...Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với phát sinh bồi thường thiệt hại về dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng sau khi đã trừ đi chi phí bồi thường do bảo hiểm chi trả...”. Tuy nhiên, tại Điều 14 của Hợp đồng hợp tác ngày 14/8/2014 và tại Điều 9 của Hợp đồng ngày 01/01/2015 quy định về trường hợp Xử lý sự cố rủi ro: “Mọi trường hợp được bảo hiểm bồi thường (hoặc không được bồi thường), nhưng không đáp ứng đủ các chi phí khắc phục thì căn cứ vào trách nhiệm của người lao động (lái xe) hoặc bên thứ ba gây hậu quả, kết hợp quy chế an toàn giao thông của bên B, trường hợp vẫn chưa đủ thì bên A phải chịu trách nhiệm”. Như vậy, theo quy định này thì việc chỉ buộc ông T2 – chủ xe phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ liên quan, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.*

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy việc điều tra, thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, bản án sơ thẩm xét xử ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, những vấn đề này không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, HĐXX cần thiết hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo thủ tục chung. Xét thấy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp như nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Luật sư: Luật sư cho rằng công ty M điều tài xế S là được sự đồng ý của ông T2, trên thực tế ông T2 vẫn là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, mọi hoa lợi, lợi tức từ việc kinh doanh từ chiếc xe ông T2 đều được hưởng, công ty M chỉ hưởng phần trăm thương hiệu, tổng đài... Như vậy việc buộc ông T2 phải có trách

nhiệm bồi thường là phù hợp pháp luật. Do ông T2 đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2 phải bồi thường là phù hợp. Xét thấy, đề nghị này của Luật sư là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị K 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007643 ngày 05/11/2020; Hoàn trả cho bà Phạm Thị E 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007644 ngày 05/11/2020; Hoàn trả cho Công ty cổ phần T 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007642 ngày 05/11/2020, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay T; bà Đặng Thị K và bà Phạm Thị E không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị K 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007643 ngày 05/11/2020; Hoàn trả cho bà Phạm Thị E 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007644 ngày 05/11/2020; Hoàn trả cho Công ty cổ phần T 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007642 ngày 05/11/2020, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Đương sự (6);
- Cơ quan điều tra thành phố (1)
- VKS thành phố (1)
- Tòa án thành phố (1)
- Thi hành án hình sự thành phố (1)
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Quang**

- Lưu tòa hình sự (5).